

Bản án số: 77/2021/HS-PT
Ngày 21 tháng 01 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 691/2020/HSPT-TL ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Dương Minh H do có kháng cáo của bị cáo Dương Minh H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Dương Minh H, sinh năm 1985, tại Ninh Thuận; nơi cư trú: thôn H1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H2 và bà Hồ Thị H3; vợ là Lâm Thị Thu T sinh năm 1991 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2017; có 03 người em (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2019 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo H: Luật sư Huỳnh Tấn L, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Bùi Thúy T1 và Nguyễn Thị A K không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N1 sau:

Bùi Thúy T1 và bà Đặng Thị C có mối quan hệ quen biết nhau. Vào khoảng tháng 3 năm 2017, bà C có con gái là Nguyễn Thị Kim D (sinh năm 1998) được giới thiệu sang Trung Quốc lấy chồng người Trung Quốc, khi gả được D bà C nhận được 70.000.000 đồng. Sau khi sang Trung Quốc, đến khoảng tháng 6 năm 2017 D quen biết với Dương Minh H (thời điểm này đang sinh sống ở Trung Quốc – là người môi giới, dẫn các cô gái từ Việt Nam sang Trung Quốc để gả chồng), D giới thiệu H cho Đặng Thị C. H điện thoại gặp C bàn bạc, thỏa thuận kêu C tìm các cô gái Việt Nam muốn lấy chồng người Trung Quốc thì giới thiệu cho H để H dẫn sang Trung Quốc gả chồng, chi phí H sẽ trả cho C là 120.000.000 đồng và tiền công giới thiệu là 40.000.000 đồng, C đồng ý.

Khoảng tháng 11 năm 2017 trong một lần C gặp Bùi Thúy T1, T1 tâm sự hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, nghe vậy C kêu T1 gả con gái sang Trung Quốc để có tiền, C sẽ giới thiệu mối cho, khi gả thành công thì sẽ được 80.000.000 đồng. T1 đồng ý và về nhà hỏi ý kiến con gái là Nguyễn Thị A K thì A K đồng ý sang Trung Quốc lấy chồng, T1 thông báo cho C biết. Sau đó, C liên lạc báo cho H biết và đồng ý dẫn A K sang Trung Quốc. T1 đề nghị H chuyển trước 10.000.000 đồng, ngày 16 tháng 11 năm 2017 H đã chuyển khoản số tiền trên cho bà C, bà C rút ra và đưa cho T1. Sau đó, H đến Cần Thơ dẫn A K đi máy bay từ Cần Thơ ra Hà Nội sau đó đưa sang Trung Quốc gả cho người đàn ông tên Tạ X. Sau khi gả được A K, H chuyển khoản cho C 40.000.000 đồng, chuyển khoản cho T1 số tiền còn lại là 70.000.000 đồng.

Khi quen biết Tạ X thì Tạ X bàn bạc với H về việc tìm kiếm các cô gái Việt Nam có nhu cầu lấy chồng người Trung Quốc, dẫn sang Trung Quốc để Tạ X gả chồng cho họ, theo thỏa thuận một cô gái Tạ X sẽ trả cho H từ 7 đến 8 vạn nhân dân tệ (tương đương khoảng 210.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng) bao gồm: tiền cho gia đình cô gái là 120.000.000 đồng, chi phí đi lại khoảng 30.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng là tiền công của H. Lúc này, H bàn bạc với A K về việc liên lạc về Việt Nam, tìm kiếm các cô gái muốn lấy chồng Trung Quốc, giới thiệu cho H để dẫn sang Trung Quốc gả chồng, chi phí H sẽ trả cho A K là 120.000.000 đồng bao gồm tiền cho gia đình cô gái và tiền công giới thiệu, toàn bộ chi phí đi lại và giấy tờ H lo hết, nghe vậy A K đồng ý. Sau đó, A K bàn bạc lại với T1 sự việc trên, T1 cũng liên lạc bàn bạc với H và thống nhất thực hiện.

Vào khoảng tháng 12 năm 2017 bà Ngô Thị H4 đến nhà T1 chơi. H4 tâm sự về hoàn cảnh kinh tế hiện đang khó khăn, nghe vậy T1 giới thiệu đã gả con gái sang Trung Quốc và được 70.000.000 đồng, T1 kêu H4 cho hai con gái là Trương Thị Hồng N1 và Trương Thị Hồng Z (cùng sinh ngày 28/6/2003) sang Trung Quốc lấy chồng để kiếm tiền, H4 đồng ý, về hỏi ý kiến thì N1 và Z đồng ý sang Trung Quốc lấy chồng. Lúc này, bà H4 thông báo cho T1, T1 thông báo lại cho A K và H biết. Sau đó, T1 cũng dẫn H đến nhà H4 để nói chuyện, hứa hẹn việc dẫn N1 và Z sang Trung Quốc. Lúc này, T1 và vợ chồng A K nhiều lần đến nhà N1 và Z hứa hẹn về việc sẽ giới thiệu cho người chồng có điều kiện để kiếm được tiền phụ giúp gia đình, sau khi lấy chồng khoảng 01 năm sẽ về Việt Nam làm giấy tờ chính thức và thường xuyên được về Việt Nam thăm gia đình. Tin tưởng những lời hứa hẹn của T1 và A K nên H4 đồng ý giao N1 và Z cho A K dẫn sang Trung Quốc gả chồng. Vào ngày 24 tháng 02 năm 2018 Tạ X và A K đưa N1 và Z đến bến xe Cần Thơ đón xe đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến cửa khẩu Móng Cái thì gặp H, H đã đưa N1 và Z qua cửa khẩu và liên hệ cho A K để A K dẫn đường sang Trung Quốc. Sau khi qua cửa khẩu, H và A K tiếp tục dẫn N1 và Z về nhà Tạ X rồi H trở về Việt Nam. Tại Trung Quốc, Tạ X đã gả N1 và Z cho đàn ông Trung Quốc, số tiền thu lợi mỗi người là 10 vạn nhân dân tệ (tương đương 330.000.000 đồng).

Sau khi gả N1 và Z, Bùi Thúy T1 nhận được 238.000.000 đồng, trừ đi phần đã đưa cho gia đình N1 và Z là 140.000.000 đồng, T1 còn hưởng lợi 98.000.000 đồng/1 người.

N1 và Z sống bên Trung Quốc khoảng hơn 01 năm thì đòi về Việt Nam, nên T1 kêu A K tổ chức đưa N1 và Z về. Vào khoảng tháng 02 năm 2019, A K sắp xếp cho N1 bỏ trốn về Việt Nam, đối với Z chưa về được. Vào khoảng tháng 5 năm 2019, A K cũng bỏ trốn về Việt Nam. Sau khi N1 về Việt Nam, bà H4 làm đơn tố giác hành vi phạm tội của T1 và A K đến công an.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 35 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm pháp y thành phố Cần Thơ kết luận: tại thời điểm giám định (ngày 26/8/2019) thì N1 có độ tuổi từ 16 năm 03 tháng đến 16 năm 9 tháng. Đối với thời điểm N1 sang Trung Quốc là tháng 02 năm 2018 thì N1 có độ tuổi là 14 tuổi 9 tháng đến 15 tuổi 3 tháng.

Đối với Trương Thị Hồng Z, qua xác minh được biết Z hiện nay còn sinh sống bên Trung Quốc nên chưa làm việc được, tuy nhiên với các tài liệu chứng cứ thu thập được thì Z cùng với N1 sang Trung Quốc, ngoài ra bà H4 có nhận số tiền 140.000.000 đồng từ T1.

Ngoài N1 và Z, cơ quan điều tra xác định T1, A K và H còn cấu kết với

nhau đưa 07 phụ nữ khác gồm: Lê Thị D1(sinh năm 2002, ĐKTT: Khóm Đ phường M, thành phố L1, An Giang); Ngô Thị Kim H5(sinh năm 2001, ĐKTT: ấp T2, xã T3, huyện C1, thành phố Cần Thơ); Trần Thị Anh T4(sinh năm: 1998, ĐKTT: ấp A1, xã H6, huyện C2, An Giang); Loan, Giàu, Hằng, Trang (đều chưa rõ họ tên, địa chỉ). Trong 07 phụ nữ trên chỉ có H5 đã về Việt Nam còn lại hiện vẫn đang sinh sống tại Trung Quốc.

Về thu lợi của Dương Minh H: theo thỏa thuận ban đầu với Tạ X, H thu lợi được từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng/01 cô gái. Về thu lợi của A K: do A K là người phụ thuộc Tạ X nên không có thỏa thuận cụ thể về việc khi gả được một phụ nữ sẽ hưởng lợi bao nhiêu nhưng sau khi Tạ X gả chồng cho N1, Z, H5 và Loan thì Tạ X có cho A K 1800 nhân dân tệ (tương đương khoảng 6.000.000 đồng) và mua nữ trang cho A K với số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với các khoản tiền Bùi Thúy T1 hưởng lợi từ việc giới thiệu các cô gái, là do 03 tài khoản của Hoàng Thị T5, Trần Quốc T6 và Nguyễn Thị Bích T7(cùng ngụ tại Móng Cái, Quảng Ninh) chuyển vào tài khoản của T1. Qua xác minh được biết những người nêu trên làm dịch vụ đổi và chuyển tiền tại cửa khẩu, không biết các khoản tiền gửi cho T1 là do T1 phạm tội mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Tạ X do chưa rõ họ tên, địa chỉ nên chưa làm việc được cũng N1 chưa thể đề nghị tương trợ tư pháp xác định hành vi phạm tội của Tạ X, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với Lê Thị D1, Trần Thị Anh T4, Loan, Hằng, Giàu, Trang hiện còn đang ở Trung Quốc nên chưa làm việc, do đó chưa có cơ sở xác định trách nhiệm hình sự của Dương Minh H, Nguyễn Thị A K và Bùi Thúy T1 trong các trường hợp trên.

Vật chứng T1 giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010, sim số 0947.039461; 01 sổ hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị A K.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị H4 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Trương Thị Hồng N1 và Trương Thị Như Z không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xử

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Minh H, Nguyễn Thị A K, Bùi Thúy T1 phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Bị cáo Dương Minh H 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2019.

- Bị cáo Nguyễn Thị A K 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2019.

- Bị cáo Bùi Thúy T1 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2020, bị cáo Dương Minh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin chuyển tội danh, bị cáo phạm tội không tố giác tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Minh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Xét kháng cáo của bị cáo Dương Minh H: Kháng cáo của bị cáo H hợp lệ về thời gian, hình thức và nội dung. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai, không đưa ra chứng cứ cho việc thay đổi lời khai. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai những bị cáo khác và tài liệu có trong hồ sơ. Bị cáo cố ý thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi. Từ tháng 11/2017 bị cáo đã bàn bạc với Tạ X, T1 và A K dẫn các cô gái sang Việt Nam để gả Thu lợi bất chính. Bị cáo dẫn dắt, làm các thủ tục đưa người sang Trung Quốc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là dẫn N1, Z đến nhà Tạ X để Tạ X gả chồng cho N1, Z. Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, bị cáo là người thực hiện, trả tiền hoa hồng cho A K và T1. Bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, đưa người qua biên giới. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như không có tiền án, tiền sự, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” là đúng người, đúng tội. Hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Việc bị cáo đề nghị chuyển tội danh, xử bị cáo về tội không tố giác tội phạm là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo trình bày: Không tranh luận gì.

Bị cáo trình bày: Trong vụ án này, bị cáo không biết lứa tuổi của bị hại

nên không biết bị cáo phạm tội vào trường hợp nào. Khi Tạ X nhờ giúp đỡ, bị cáo không biết mình phạm tội nên đã giúp Tạ X. Bị cáo không hưởng lợi gì. Bị cáo cũng là bị hại. Ngô Thị Kim H5 đi chung chuyến với N1, Z. H5 không đồng ý lấy chồng được Tạ X và A K đưa về Việt Nam. Mẹ của N1, Z sang Trung Quốc dự đám cưới của N1, Z. Bà T1 đưa mẹ của N1, Z qua dự đám cưới nên không cần gì vai trò của bị cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Bị cáo trình bày không biết lứa tuổi bị hại và không hưởng lợi gì nhưng tuổi của bị hại đã được xác định dưới 16 tuổi. Bị cáo không nhận tiền do Tạ X, T1 và A K trở mặt. Bị cáo có thỏa thuận với Tạ X mỗi người đưa sang Trung Quốc được hưởng lợi. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo trình bày: Lập luận của Viện kiểm sát không có căn cứ. Bị cáo có bàn bạc tính toán với Tạ X với 02 người trước như Lê Thị D1 và Loan. Tạ X đã về Việt Nam, bị cáo không còn cơ hội gì, không có cấu kết như Viện kiểm sát trình bày.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét, chuyển tội danh cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N1 sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Minh H không thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu là bị cáo phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi mà bị cáo phạm tội không tố giác tội phạm. Nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các bị cáo khác trong vụ án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Dương Minh H, Bùi Thúy T1, Nguyễn Thị A K thỏa thuận tìm kiếm các phụ nữ Việt Nam, sau đó đưa sang Trung Quốc gả chồng nhằm thu lợi, các bị cáo đã đưa qua biên giới Trương Thị Hồng N1(dưới 16 tuổi), Trương Thị Như Z (dưới 16 tuổi) để gả chồng và thu lợi.

[2] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án bị kháng cáo theo quy định tại Điều 345 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xét kháng cáo của bị cáo Dương Minh H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không có hành vi mua bán người là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo đã thừa nhận đưa N1, Z đến nhà Tạ X ở Trung Quốc giao cho Tạ X để Tạ X gả N1 và Z cho người Trung Quốc để kiếm tiền. Theo kết quả xác minh thì N1, Z sinh

ngày 28/6/2003. Vào thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì N1, Z dưới 16 tuổi. Bị cáo có thỏa thuận với Tạ X để hưởng lợi nhưng sau đó Tạ X, T1, A K trở mặt. Số tiền bị cáo ứng trước bị mất. Việc bị cáo chưa nhận tiền, chưa hưởng lợi không ảnh hưởng đến việc định tội danh. Vai trò của bị cáo là gặp gỡ các bị hại, động viên các bị hại sang Trung Quốc để lấy chồng, hứa hẹn tìm được mối tốt, tổ chức đưa các bị hại sang Trung Quốc để giao cho Tạ X nhằm kiếm lời.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Dương Minh H về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” với tình tiết định khung “Đối với 02 người đến 05 người” và “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được mức độ nguy hiểm của hành vi nhưng do hám lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và sống chung với cha mẹ, quyền được bảo vệ của trẻ em mà pháp luật quy định và bảo vệ, hiện nay hành vi mua bán người đặc biệt đối tượng là trẻ em để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung tội phạm trong xã hội. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm

2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Minh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Minh H 16 (mười sáu) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Minh H theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Minh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- CA thành phố Cần Thơ;
- Sở tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo(1);
- Lưu (3) T.16 (án - Báo/Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương